

Số: /2017/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Dur thảo (01/3/2017)

QUYẾT ĐỊNH

Về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chế độ tiền công, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp, mức thưởng, đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Huấn luyện viên, vận động viên là người Việt Nam thuộc các đội tuyển, đội tuyển trẻ quốc gia, đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, một số từ ngữ sử dụng dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên là tổ chức mà huấn luyện viên, vận động viên được tuyển vào làm việc hoặc luyện tập, thi đấu thường xuyên trước khi được triệu tập vào đội tuyển thể thao các cấp.

2. Cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên là tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn, thi đấu tại đội tuyển thể thao các cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên có thể đồng thời là tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên.

Điều 4. Chế độ tiền công

Phương án 1: Trả công bằng tiền theo ngày căn cứ mức tiền công tháng (22 ngày/tháng), áp dụng bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước cho các huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu như sau:

1. Huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

a) Huấn luyện viên trưởng đội tuyển quốc gia: được hưởng mức tiền công tháng bằng 8,00 lần mức lương cơ sở (*tương đương 473.000 đồng/người/ngày*)

b) Huấn luyện viên đội tuyển quốc gia: được hưởng mức tiền công tháng bằng 5,42 lần mức lương cơ sở (*tương đương 320.000 đồng/người/ngày*)

c) Huấn luyện viên trưởng đội tuyển trẻ quốc gia: được hưởng mức tiền công tháng bằng 5,42 lần mức lương cơ sở (*tương đương 320.000 đồng/người/ngày*)

d) Huấn luyện viên đội tuyển trẻ quốc gia: được hưởng mức tiền công tháng bằng 3,99 lần mức lương cơ sở (*tương đương 236.000 đồng/người/ngày*)

đ) Huấn luyện viên đội tuyển của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: được hưởng mức tiền công tháng bằng 3,33 lần mức lương cơ sở (*tương đương 197.000 đồng/người/ngày*)

e) Huấn luyện viên đội tuyển trẻ của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: được hưởng mức tiền công tháng bằng 3,00 lần mức lương cơ sở (*tương đương 177.000 đồng/người/ngày*)

g) Huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: được hưởng mức tiền công tháng bằng 3,00 lần mức lương cơ sở (*tương đương 177.000 đồng/người/ngày*)

h) Vận động viên đội tuyển quốc gia: được hưởng mức tiền công tháng bằng 3,99 lần mức lương cơ sở (*tương đương 236.000 đồng/người/ngày*)

i) Vận động viên đội tuyển trẻ quốc gia: được hưởng mức tiền công tháng bằng 3,3 lần mức lương cơ sở (*tương đương 197.000 đồng/người/ngày*)

k) Vận động viên đội tuyển của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: được hưởng mức tiền công tháng bằng 3,00 lần mức lương cơ sở (*tương đương 177.000 đồng/người/ngày*)

l) Hỗ trợ tiền tập luyện đối với các đối tượng:

- Vận động viên đội tuyển trẻ của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: được hưởng mức tiền công tháng bằng 1,1 lần mức lương cơ sở (*tương đương 65.000 đồng/người/ngày*)

- Vận động viên đội tuyển năng khiếu của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: được hưởng mức tiền công tháng bằng 0,8 lần mức lương cơ sở (*tương đương 47.000 đồng/người/ngày*).

Tiền công ngày được tính như sau:

$$\text{Công ngày} = \frac{\text{hệ số lương} \times \text{lương cơ sở}}{22 \text{ ngày}}$$

Phương án 2: Trả công bằng tiền theo ngày cho các huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu như sau:

1. Huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:
 - a) Huấn luyện viên trưởng đội tuyển quốc gia: 475.000 đồng/người/ngày
 - b) Huấn luyện viên đội tuyển quốc gia: 350.000 đồng/người/ngày
 - c) Huấn luyện viên trưởng đội tuyển trẻ quốc gia: 350.000 đồng/người/ngày
 - d) Huấn luyện viên đội tuyển trẻ quốc gia: 240.000 đồng/người/ngày
 - đ) Huấn luyện viên đội tuyển của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 200.000 đồng/người/ngày
 - e) Huấn luyện viên đội tuyển trẻ của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 170.000 đồng/người/ngày
 - g) Huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 170.000 đồng/người/ngày
 - h) Vận động viên đội tuyển quốc gia: 240.000 đồng/người/ngày
 - i) Vận động viên đội tuyển trẻ quốc gia: 200.000 đồng/người/ngày
 - k) Vận động viên đội tuyển của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 170.000 đồng/người/ngày
- l) Hỗ trợ tiền tập luyện đối với các đối tượng:
 - Vận động viên đội tuyển trẻ của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: 70.000 đồng/người/ngày
 - Vận động viên đội tuyển năng khiếu của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: 50.000 đồng/người/ngày.
2. Huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước:
 - a) Trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, huấn luyện viên, vận động viên được hưởng nguyên lương (lương chuyên môn nghiệp vụ và phụ cấp lương nếu có) tại cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên. Trường hợp mức tiền lương theo ngày của huấn luyện viên, vận động viên thấp hơn mức tiền công quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên chi trả thêm phần chênh lệch để đảm bảo bằng mức tiền công tương ứng. Mức tiền lương theo ngày của huấn luyện viên, vận động viên được xác định bằng tiền lương của tháng liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tập trung tập huấn và thi đấu chia cho 22 ngày (số ngày làm việc tiêu chuẩn trong một tháng).

b) Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên có số ngày thực tế tập huấn và thi đấu cao hơn số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng (nhiều hơn 22 ngày/tháng) thì cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên chỉ trả tiền công bằng mức quy định tại khoản 1 Điều này cho những ngày vượt số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng.

c) Khoản tiền chi trả thêm quy định tại các điểm a và b Khoản này không dùng để tính đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

3. Khi mức lương cơ sở có sự thay đổi (phương án 1) hoặc giá cả thị trường biến động $\geq 5\%$ (phương án 2) thì tiền công, tiền hỗ trợ cho huấn luyện viên, vận động viên sẽ được điều chỉnh thay đổi tương ứng.

Điều 5. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu

1. Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ quốc gia, đội tuyển, đội tuyển trẻ của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được hưởng lương từ ngân sách nhà nước và huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang làm việc ở các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

a) Đối với huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, đơn vị quản lý huấn luyện viên, vận động viên có trách nhiệm trích nộp kinh phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

b) Đối với huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, đơn vị sử dụng huấn luyện viên, vận động viên có trách nhiệm nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định (bao gồm phần trách nhiệm đóng của người sử dụng lao động và phần trách nhiệm đóng của người lao động).

2. Huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu phải nghỉ tập luyện, nghỉ thi đấu do ốm đau, bị tai nạn hoặc chết được cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên giải quyết trợ cấp và bồi thường như sau:

a) Nếu bị ốm đau được chi trả toàn bộ chi phí khám, chữa bệnh và được hưởng trợ cấp bằng 75% mức tiền công hiện hưởng cho những ngày nghỉ ốm đau;

b) Nếu bị tai nạn trong khi tập luyện, thi đấu thì được chi trả toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định thương tật, tiền trợ cấp bằng 100% mức tiền công hiện hưởng cho những ngày điều trị;

c) Sau khi thương tật ổn định được giám định khả năng lao động; nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì được hưởng trợ cấp một lần bằng mức quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc;

d) Huấn luyện viên, vận động viên bị chết trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu thì người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng bằng mười tháng lương tối thiểu chung.

đ) Huấn luyện viên, vận động viên bị chết do tai nạn trong khi tập huấn, thi đấu hoặc chết trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn trong khi tập huấn, thi đấu thì ngoài trợ cấp mai táng, thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba mươi sáu tháng lương tối thiểu chung.

3. Huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội khi thôi làm huấn luyện viên, vận động viên được hưởng trợ cấp một lần.

Mức trợ cấp một lần được tính bằng số năm (12 tháng) làm huấn luyện viên, vận động viên tập trung (tính cộng dồn) được hưởng bằng 1,5 tháng tiền công trước khi thôi việc, nhưng thấp nhất cũng bằng 2 tháng tiền công.

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi làm huấn luyện viên, vận động viên được tính theo năm (đủ 12 tháng), trường hợp có tháng lẻ thì từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được tính bằng 1/2 năm; từ đủ 06 tháng trở lên được tính bằng 01 năm làm việc.

Điều 6. Mức thưởng bằng tiền đối với các vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thi đấu

1. Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu quốc tế được hưởng mức thưởng bằng tiền tương ứng với hệ số của mức lương cơ sở theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Môn thể thao nhóm I, nhóm II, nhóm III do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trên cơ sở các môn thể thao được đưa vào chương trình thi đấu Đại hội Olympic, ASIAD.

2. Vận động viên lập thành tích tại các giải cúp thế giới, cúp Châu Á và Cúp Đông Nam Á từng môn được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng dành cho giải vô địch của môn thể thao tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu trẻ thế giới, châu Á, Đông Nam Á được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng quy định tại Khoản 1 Điều này. Đối với các giải vô địch trẻ thế giới, châu Á, Đông Nam Á có quy định lứa tuổi được hưởng mức thưởng tối đa bằng 50% mức thưởng quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

a) Giải thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Giải thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này.

c) Giải thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này.

d) Giải thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 23 tuổi: mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao.

a) Đối với thi đấu cá nhân: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

b) Đối với thi đấu tập thể: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên.

Số lượng huấn luyện viên của các môn, nội dung thi đấu quy định như sau:

- Từ 04 vận động viên trở xuống tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Từ 05 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

- Từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 4 huấn luyện viên.

- Trên 15 vận động viên, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

5. Đối với các môn thể thao tập thể, các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể, số lượng huấn luyện viên, vận động viên được thưởng khi lập thành tích căn cứ theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

6. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung được tính trong cùng một lần thi thì từ huy chương thứ 2 hoặc thứ 3, mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

7. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại Đại hội Thể thao người khuyết tật thế giới (Paralympic) được hưởng mức thưởng bằng tiền tương ứng với hệ

số của mức lương cơ sở theo Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này. Các giải thể thao người khuyết tật thế giới, đại hội, giải thể thao người khuyết tật châu Á, Đông Nam Á được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

8. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên thế giới, châu Á, Đông Nam Á được hưởng mức thưởng bằng 30% mức thưởng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

9. Mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Quyết định này được bố trí trong dự toán ngân sách của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chi trả tiền công, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền khám, chữa bệnh, tai nạn, tiền trợ cấp và tiền bồi thường theo quy định cho huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ quốc gia; chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ quốc gia đạt thành tích thi đấu tại các giải thể thao quốc tế;

b) Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chi tiền công, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền khám, chữa bệnh, tai nạn, tiền trợ cấp và tiền bồi thường theo quy định cho huấn luyện viên, vận động viên thuộc Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý; tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích thi đấu tại các giải thi đấu quốc gia và các giải thi đấu của Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, đơn vị, cá nhân huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để góp phần nâng cao hiệu quả của các chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao xuất sắc cũng như các chế độ, chính sách khác đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 và thay thế Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV ()

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc